TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 8 - 2022
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Hoàng Tha**.

2. Ông **Hà Phương Đông**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hiệp Văn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Bà **Dương Thị Ngọc Bích** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Kim Thị Y**, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Thạch D**, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kim Thị Y trình bày:***

Vào năm 2008, bà Kim Thị Y cùng ông Thạch D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn hôn số 16, quyển số 01 ngày 14/01/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà Kim Thị Y ông Thạch D có hai người con chung tên Thạch Minh D1, sinh ngày 06/11/2008 và Thạch Minh D2, sinh ngày 06/6/2012. Hiện hai con chung đang sống cùng với bà Kim Thị Y. Bà

Kim Thị Y xác định vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Nay Bà Kim Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Kim Thị Y yêu cầu được ly hôn với ông Thạch D.

- Về con chung: Bà Kim Thị Y yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thạch Minh D1, sinh ngày 06/11/2008 và Thạch Minh D2, sinh ngày 06/6/2012 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Thạch D phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà Kim Thị Y xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Kim Thị Y xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Kim Thị Y đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Căn cước công dân mang tên Kim Thị Y (bản sao chứng thực);

+ Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Kim T (bản sao chứng thực);

+ Giấy chứng nhận kết hôn hôn số 16, quyển số 01 ngày 14/01/2008;

+ Bản sao chứng thực giấy khai sinh mang tên Thạch Minh D1 và Thạch Minh D2;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Thạch D. Nhưng ông Thạch D thường xuyên không có mặt tại nhà và được bà Trần Thị S là mẹ ruột, ngụ cùng địa chỉ nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Thạch D không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Thạch Minh D1, sinh ngày 06/11/2008 và Thạch Minh D2, sinh ngày 06/6/2012. Theo đó, cháu Thạch Minh D1 và Thạch Minh D2 đã đưa ra nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Bên cạnh đó Tòa án đã tiến hành xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ chồng, con trong vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 28/7/2022, bà Kim Thị Y có văn bản yêu cầu vắng mặt xét xử.

Trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bà Kim Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Thạch D và không thể có mặt được vì đang bận công việc. Bên cạnh đó, giữa bà và bị đơn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Kim Thị Y vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Thạch D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Kim Thị Y và ông Thạch D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Kim Thị Y cho vợ chồng bà Kim Thị Y ông Thạch D ly hôn. Về con chung giao cho bà Kim Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng và ông Thạch D không phải phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung bà Kim Thị Y xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Kim Thị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 15/02/2022, bà Kim Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Thạch D có nơi cư trú tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Kim Thị Y vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Thạch D vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn bà Kim Thị Y về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008, bà Kim Thị Y cùng ông Thạch D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tiến hành thủ tục đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển 01 ngày 14/01/2008. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Kim Thị Y và ông Thạch D là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Kim Thị Y: Sau khi kết hôn, vợ chồng chúng sinh sống tại ấp A, xã B hạnh phúc. Đến tháng 12 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và sống ly thân cho đến nay. Bà Kim Thị Y xác không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng do mâu thuẫn đã quá trầm trọng và hôn nhân không thể tiếp tục được nữa. Ông Thạch D không còn quan tâm đến vợ con cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy những nội dung này đã được gửi trực tiếp cho ông Thạch

D nhận sau khi thụ lý vụ án. Tuy nhiên ông Thạch D không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Kim Thị Y đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân do ông Thạch D bỏ về sống bên gia đình cha mẹ ruột từ năm 2013 cho đến nay. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng cho bà Kim Thị Y ông Thạch D hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông Thạch D đều vắng mặt. Việc này đã thể hiện việc cho ông Thạch D không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Kim Thị Y. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Y cho bà Kim Thị Y được ly hôn với cho ông Thạch D.

[3.5] Về thời điểm chấm dứt hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật hôn nhân dân đình quy định "Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật". Do đó quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển 01 ngày 14/01/2008 do Ủy ban nhân dân xã B cấp của bà Kim Thị Y và ông Thạch D sẽ chấm dứt khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.6] Về con chung: Bà Kim Thị Y xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Kim Thị Y và ông Thạch D có hai người con chung tên Thạch Minh D1, sinh ngày 06/11/2008 và Thạch Minh D2, sinh ngày 06/6/2012. Hiện nay con chung do bà Kim Thị Y đang trực tiếp nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh mang tên Thạch Minh D1, sinh ngày 06/11/2008 và Thạch Minh D2, sinh ngày 06/6/2012 thể hiện là con chung của bà Kim Thị Y, ông Thạch D.

[3.7] Xét ý kiến của bà Kim Thị Y về việc bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thạch Minh D1, sinh ngày 06/11/2008 và Thạch Minh D2, sinh ngày 06/6/2012 hiện nay đang được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, Thạch Minh D1, sinh ngày 06/11/2008 và Thạch Minh D2, sinh ngày 06/6/2012 đều có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Bên cạnh đó từ khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay con chung Thạch Minh D1, sinh ngày 06/11/2008 và Thạch Minh D2, sinh ngày 06/6/2012 đang được bà Kim Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến nay. Ông Thạch D cũng không có ý kiến gì về việc này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Thạch Minh D1, sinh ngày 06/11/2008 và Thạch Minh D2, sinh ngày 06/6/2012 cho bà Kim Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.8] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Kim Thị Y xác định hiện tại có nguồn thu nhập ổn định mỗi tháng nên đảm bảo cho việc nuôi và không cần ông Thạch D phải cấp dưỡng cho con chung và không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.9] Bên cạnh đó ông Thạch D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Kim Thị Y xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Kim Thị Y xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Kim Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Kim Thị Y, ông Thạch D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Y.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Y được ly hôn với ông Thạch D. Quan hệ hôn nhân giữa bà Kim Thị Y ông Thạch D theo giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển 01 ngày 14/01/2008 do Ủy ban nhân dân xã B cấp sẽ chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Thạch Minh D1, sinh ngày 06/11/2008 và Thạch Minh D2, sinh ngày 06/6/2012 (hiện nay con chung đang sống chung với bà Kim Thị Y) cho bà Kim Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Thạch D không phải cấp dưỡng cho con. Ông Thạch D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Kim Thị Y cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Thạch D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung: Bà Kim Thị Y xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Kim Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kim Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003352, ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Như vậy bà Kim Thị Y đã thực hiện xong). Ông Thạch D không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Kim Thị Y và ông Thạch D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thái Ngọc